

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc ban hành cấu trúc bài kiểm tra tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2022 – 2023

Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận Cầu Giấy về việc thành lập Trường Trung học Cơ sở Ngoại ngữ, trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-PGD ngày 29/3/2019 của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Cầu Giấy về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ, trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ ban hành cấu trúc bài kiểm tra tuyển sinh vào lớp 6 Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội năm học 2022 – 2023 (đính kèm cấu trúc đề thi).

Nhà trường xin thông báo để phụ huynh và các em học sinh chủ động ôn tập để đạt kết quả cao nhất trong kì tuyển sinh vào lớp 6 của Trường Trung học cơ sở Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN năm học 2022 – 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c)
- CBGV, PHHS, HS; MP05



Nguyễn Huyền Trang



CẤU TRÚC BÀI KIỂM TRA TUYỂN SINH LỚP 6
TRƯỜNG THCS NGOẠI NGỮ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Kèm theo Thông báo số 15/TB-THCSNN ngày 15 tháng 2 năm 2022)

A. MIÊU TẢ CHUNG

Thời gian: 100 phút

Số bài kiểm tra: 02

- Bài Trắc nghiệm: 40 câu - 50 phút
- Bài Tự luận: 3 phần – 50 phút

Nội dung kiến thức kiểm tra: Thuộc chương trình giáo dục tiểu học, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 5 hiện hành của BGDĐT.

Thang điểm đánh giá: 80 điểm

B. CÁCH TÍNH ĐIỂM

Bài Trắc nghiệm: 40 điểm, mỗi câu đúng 01 điểm

- Phần KHTN và Toán: 10 điểm
- Phần KHXH và Tiếng Việt: 10 điểm
- Phần Tiếng Anh: 20 điểm

Bài Tự luận: 40 điểm

- Phần Toán: 10 điểm
- Phần Tiếng Việt: 10 điểm
- Phần Tiếng Anh: 20 điểm

C. MIÊU TẢ CHI TIẾT

I. BÀI TRẮC NGHIỆM

Số phần: 03

Số câu: 40

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN 1: PHẦN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN

Nội dung	Mô tả	Số câu hỏi
Toán	Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời mỗi câu hỏi. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới: <ul style="list-style-type: none">• Số tự nhiên, phân số, hỗn số, số thập phân, tỉ số phần trăm;• Đại lượng độ dài, khối lượng, diện tích, thể tích, thời gian;	5

	<ul style="list-style-type: none"> • Chu vi, diện tích, thể tích các hình thang, hình tam giác, hình bình hành, hình tròn, hình hộp chữ nhật, hình lập phương; • Toán về chuyển động đều; bài toán có liên quan đến các phép tính với số đo thời gian; bài toán tính tuổi; bài toán về quan hệ tỉ lệ, bài toán có nội dung hình học ... 	
Khoa học tự nhiên	<p>Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời mỗi câu hỏi. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới một số kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sự trao đổi chất, nhu cầu dinh dưỡng, sự sinh sản, sự lớn lên của cơ thể người; • Sự trao đổi chất, sự sinh sản của thực vật, động vật; • Cách phòng tránh một số bệnh thông thường và bệnh truyền nhiễm; • Dấu hiệu chung và riêng của một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên; • Đặc điểm và ứng dụng của một số chất, một số vật liệu và nguồn năng lượng thường gặp trong đời sống và sản xuất; • Quy tắc vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng, bảo vệ môi trường xung quanh; ... 	5

PHẦN 2: PHẦN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ TIẾNG VIỆT

Nội dung	Mô tả	Số câu hỏi
Tiếng Việt	<p>Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời mỗi câu hỏi. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức về ngữ âm và chữ viết; từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ, thành ngữ, tục ngữ; • Kiến thức về cấu tạo ba phần của văn bản; các kiểu văn bản: kể chuyện, miêu tả, thư; các biện pháp liên kết giữa các câu trong văn bản; • Kỹ năng đọc hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản ; nhận biết một số chi tiết nghệ thuật của văn bản (từ ngữ, hình ảnh, nhân vật,...); 	5
Khoa học xã hội	<p>Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời mỗi câu hỏi. Nội dung các câu hỏi có thể liên quan tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về địa lí, lịch sử của địa phương, vùng miền, đất nước Việt Nam, các nước láng giềng và một số nét cơ bản về địa lí, lịch sử thế giới; • Khả năng vận dụng kiến thức địa lí, lịch sử vào thực tiễn, học cách ứng 	5

	<p>xử phù hợp với tự nhiên và xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức cơ bản về một số chuẩn mực hành vi đạo đức và chuẩn mực hành vi mang tính pháp luật phù hợp với lứa tuổi trong quan hệ với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên và ý nghĩa của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó; • Kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực đã học; kỹ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống; ... 	
--	---	--

PHẦN 3: PHẦN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

Nội dung	Mô tả	Số câu hỏi
Hoàn thành câu	Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để điền vào chỗ trống trong mỗi câu.	4
Điền thông tin vào hội thoại	Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để hoàn thành mỗi thông tin bị khuyết trong hội thoại.	3
Đọc và điền từ cho sẵn vào chỗ trống	Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để điền từ vào mỗi chỗ trống trong bài đọc.	5
Đọc và trả lời câu hỏi	Thí sinh chọn 01 đáp án đúng nhất trong 04 lựa chọn cho sẵn để trả lời cho mỗi câu hỏi trong bài đọc.	5
Viết lại câu	Thí sinh chọn 01 câu trong 04 lựa chọn cho sẵn có nghĩa gần nhất với câu cho trước.	3

II. BÀI TỰ LUẬN

Số phần: 03

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN 1: PHẦN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TOÁN

Thí sinh giải 01 bài toán.

Nội dung câu hỏi có thể liên quan tới:

- Số tự nhiên, phân số, hỗn số, số thập phân, tỉ số phần trăm;
- Đại lượng độ dài, khối lượng, diện tích, thể tích, thời gian;
- Chu vi, diện tích, thể tích các hình thang, hình tam giác, hình bình hành, hình tròn, hình hộp chữ nhật, hình lập phương;
- Toán về chuyển động đều; bài toán có liên quan đến các phép tính với số đo thời gian; bài toán tính tuổi, bài toán về quan hệ tỉ lệ, bài toán có nội dung hình học, bài toán về suy luận logic...

PHẦN 2: PHẦN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT

Thí sinh viết 01 đoạn văn ngắn (khoảng 100 từ) về một chủ đề cho sẵn.

Nội dung câu hỏi có thể liên quan tới:

- Viết đoạn văn miêu tả
- Viết văn kể chuyện
- Viết thư; ...

PHẦN 3: PHẦN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

Bài 1: Thí sinh viết miêu tả thông tin về một hình ảnh được cung cấp (khoảng 80 từ).

Bài 2: Thí sinh viết 01 đoạn văn ngắn (khoảng 100 từ) về một chủ đề cho sẵn.

Nội dung câu hỏi có thể liên quan tới:

- Viết đoạn văn miêu tả
- Viết văn kể chuyện
- Viết thư; ...